CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Hóa An

Ngày 30/09/2025	49,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	3.6%	**18.3%**	**30.5%**

DT thuần
Q3/25
104
tỷ VNĐ
QoQ: ▼17.0| -14.3%
YoY: ▲ 42.1| 67.6%

LN thuần
Q3/25
42.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.60| 3.8%
YoY: ▲ 22.0| 109%

LN sau thuế
Q3/25
34.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.80| 5.4%
YoY: ▲ 18.0| 112%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
40.4%
YoY: +/-▲ 7.1%

ROE (TTM)
Q3/25
22.1%
YoY: +/-▲ 3.4%

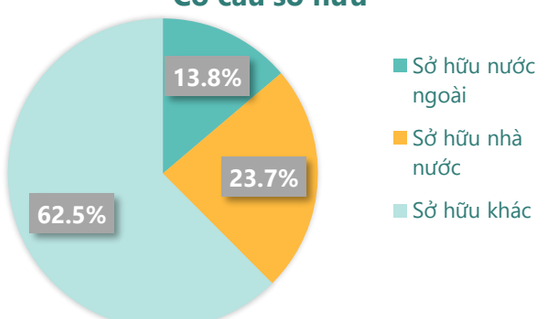
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	33,590 - 52,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	723
Số lượng CPLH (CP)	14,726,073
KLGD BQ 20 phiên (CP)	112,530
Sở hữu nước ngoài	13.8%
Beta	0.62
EPS	6,685
P/E	7.3

DT thuần
9T 2025
300
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 74.0| 33.1%

LN thuần
9T 2025
111
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 45.1| 68.6%

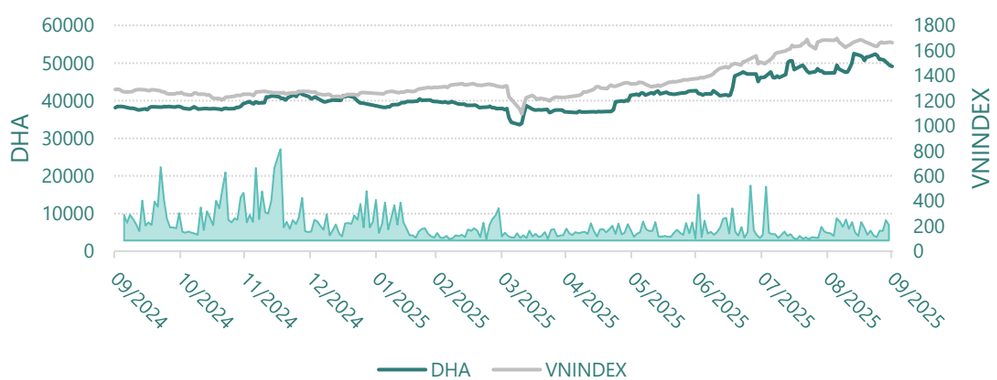
LN sau thuế
9T 2025
90.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 46.7| 106%

Cơ cấu sở hữu

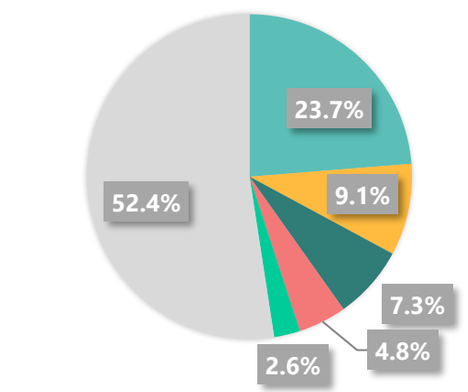


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



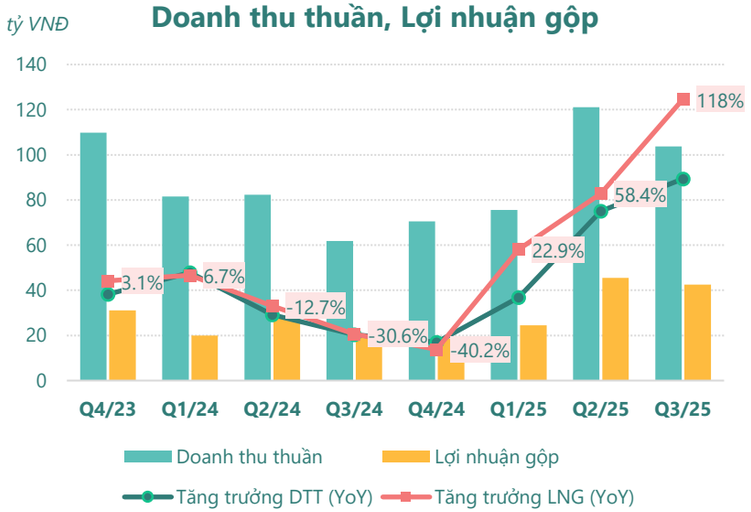
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

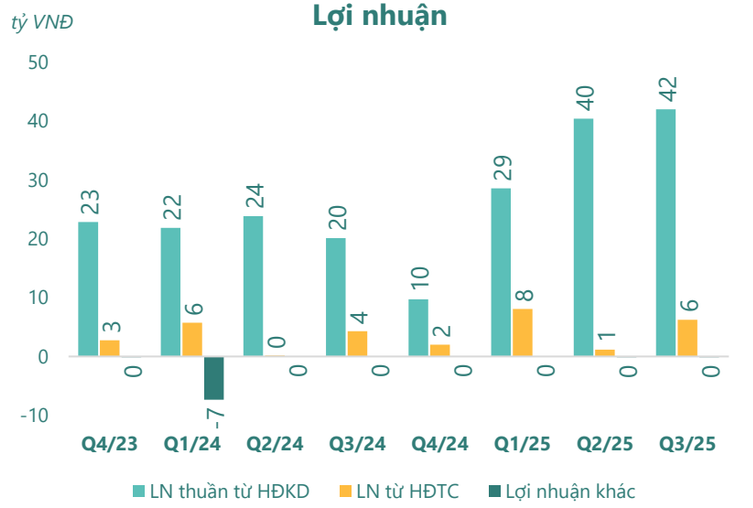
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



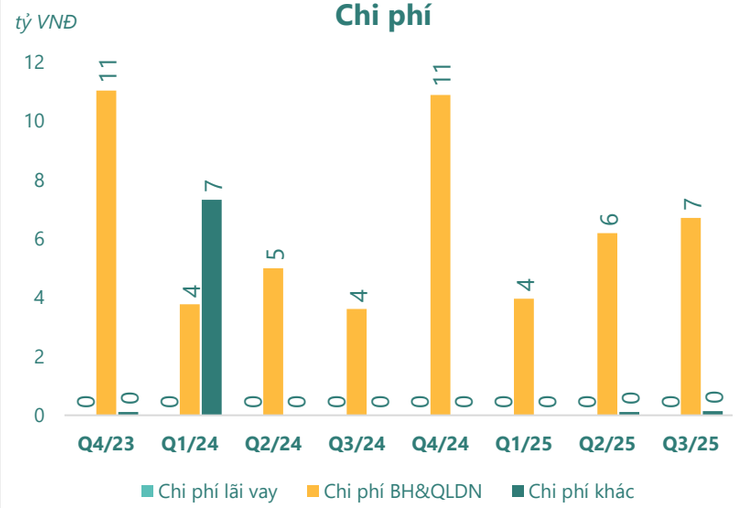
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



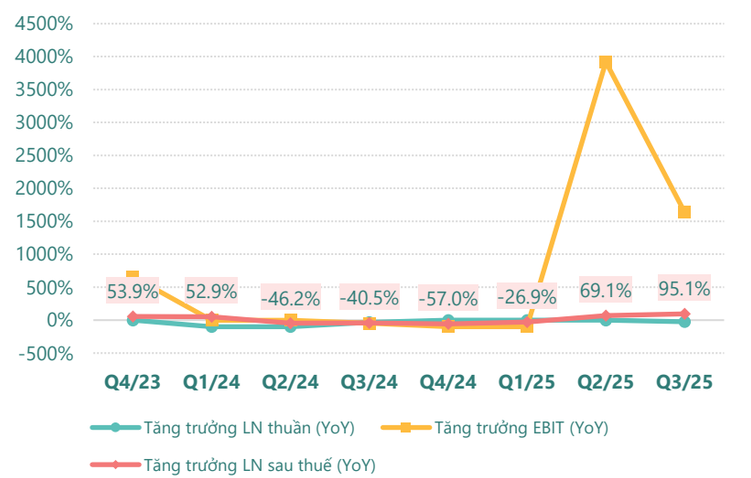
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



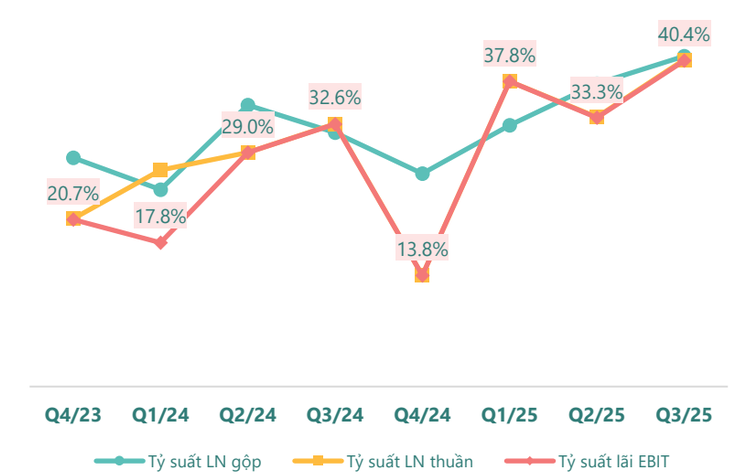
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



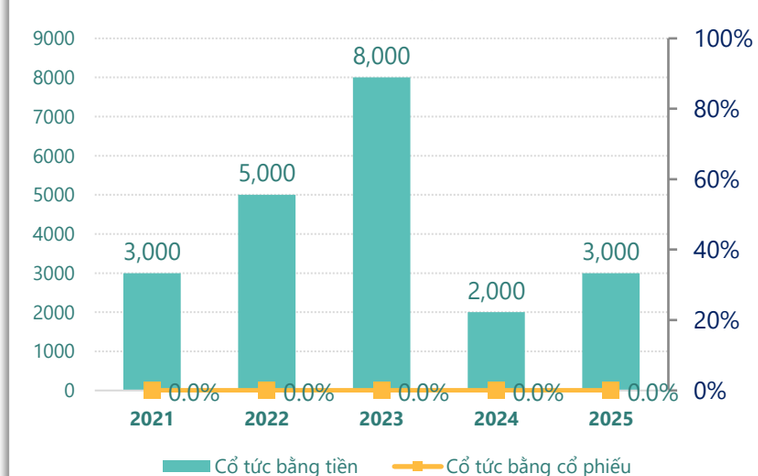
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

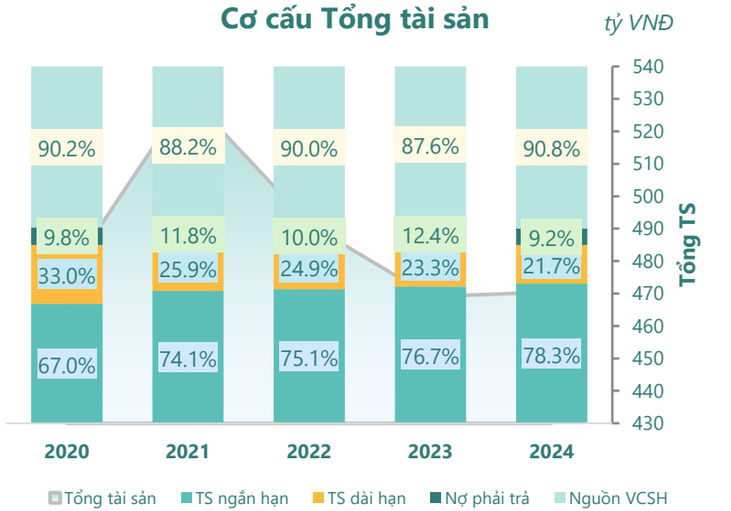
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

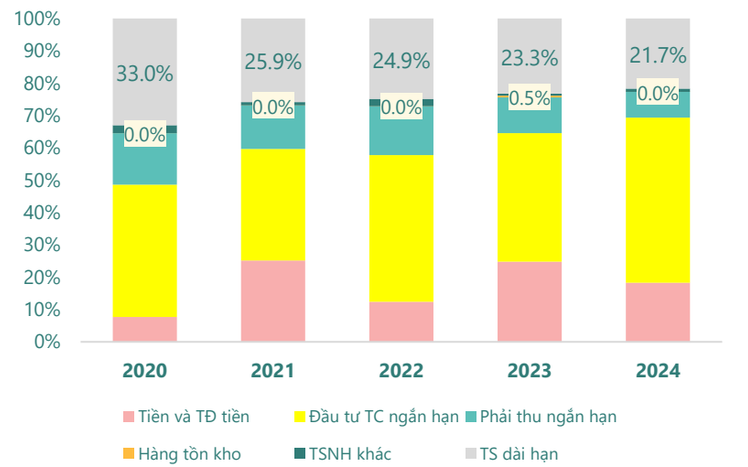
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



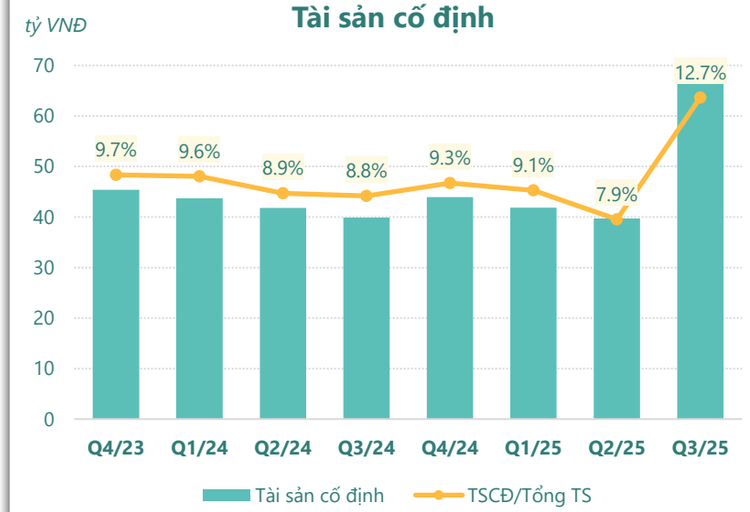
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



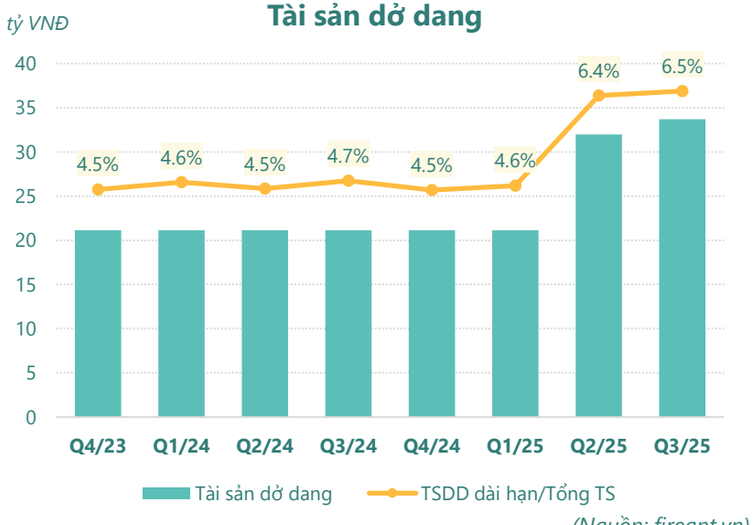
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



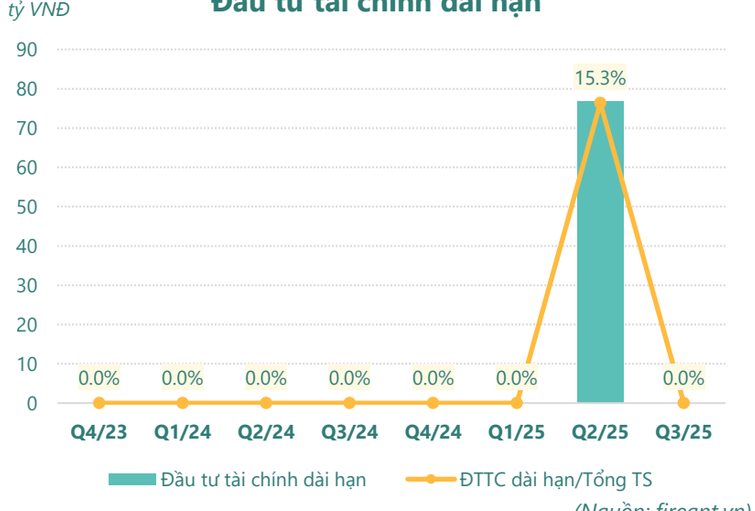
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



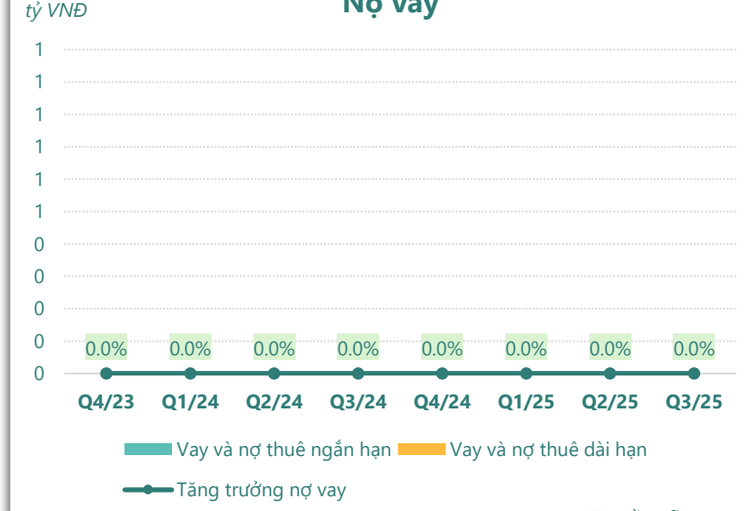
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

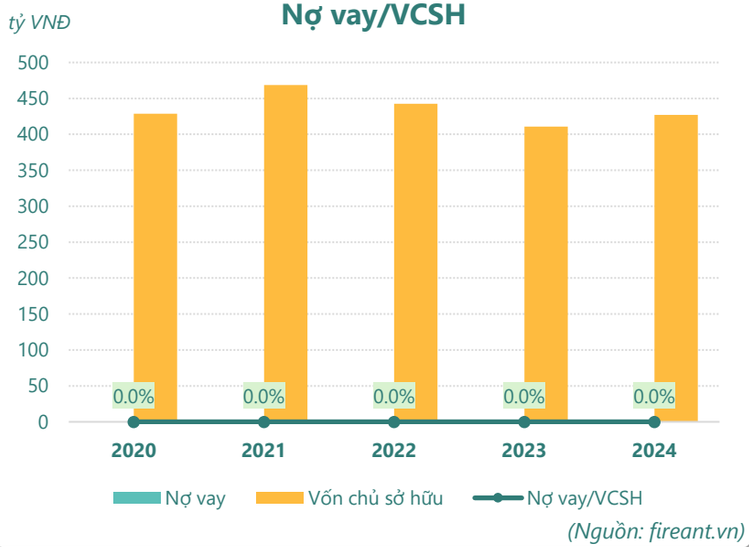
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

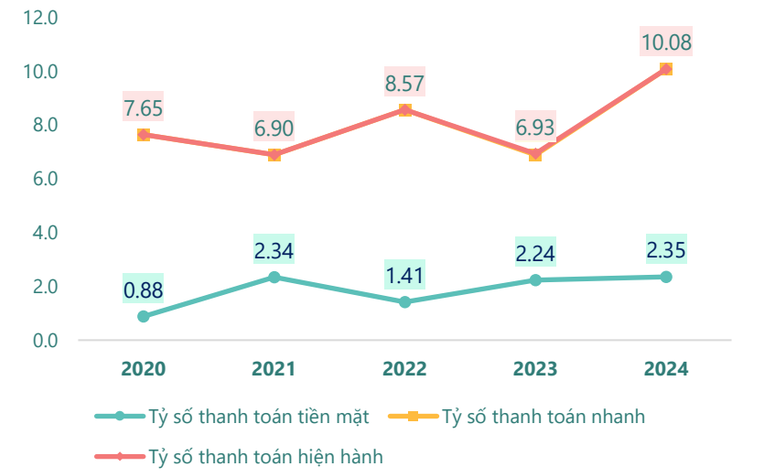
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



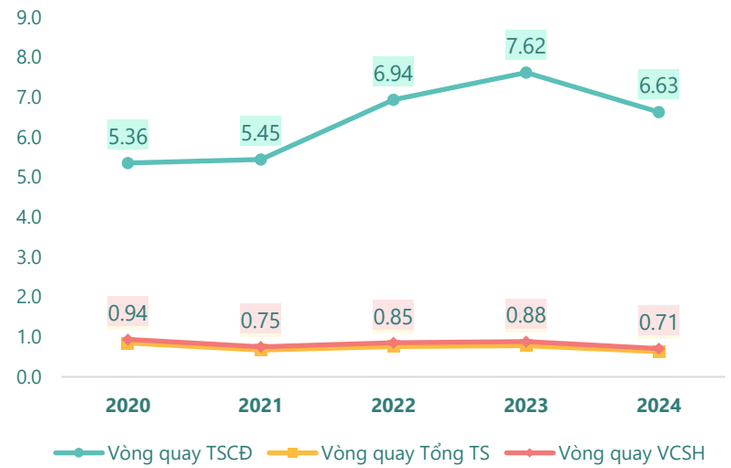
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



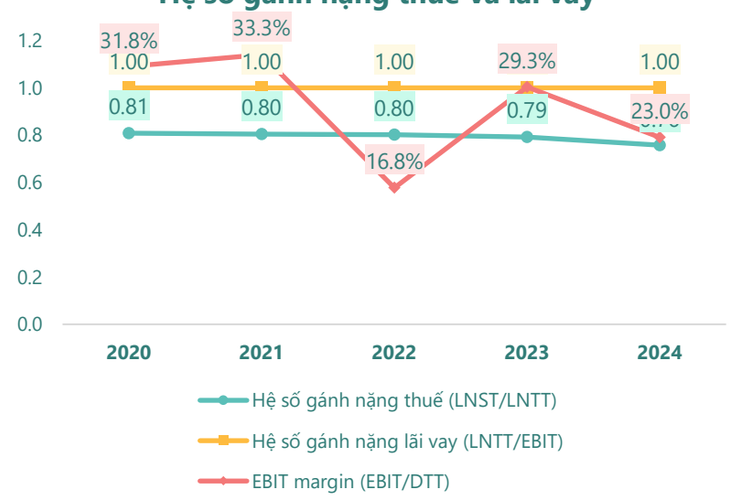
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



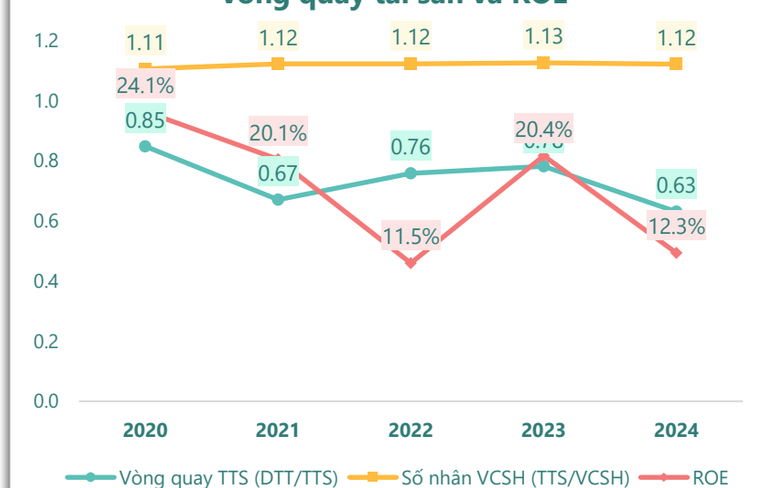
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



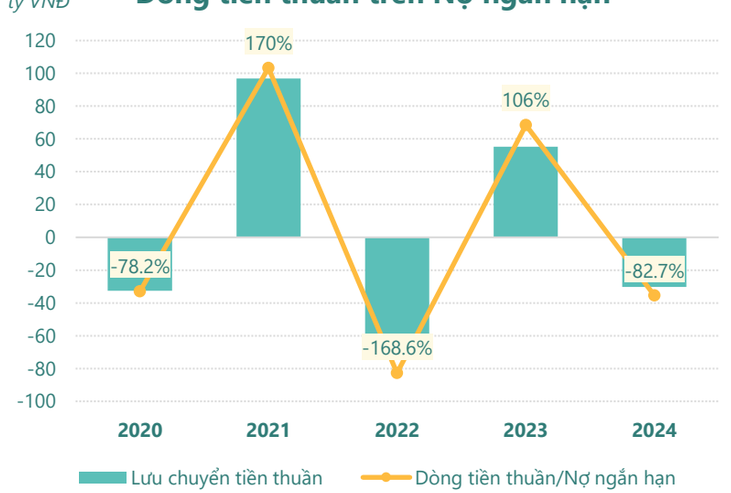
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**104**	**61.9**	**67.6%**	**300**	**226**	**33.1%**
Giá vốn hàng bán	61.2	42.4	44.4%	188	158	19.3%
Lợi nhuận gộp	42.5	19.5	118%	112	68.1	65.1%
Doanh thu HĐTC	6.27	4.37	43.5%	17.3	10.9	59.1%
Chi phí TC	0.00	0.09	-95.7%	1.79	0.72	149%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0.02	-100%
Chi phí QLDN	**6.71**	**3.61**	**85.9%**	**16.9**	**12.4**	**36.4%**
LN thuần từ HĐKD	42.1	20.1	109%	111	65.9	68.6%
Lợi nhuận khác	**-0.14**	**0.00**		**-0.25**	**-7.34**	**96.6%**
LN trước thuế	41.9	20.1	109%	111	58.6	89.3%
Lợi nhuận sau thuế	**34.1**	**16.1**	**112%**	**90.7**	**44.0**	**106%**
LNST của CĐ cty mẹ	**34.1**	**16.1**	**112%**	**90.7**	**44.0**	**106%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	141	202	73.9	2.30	-13.1	70.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-134	-55.5	-160	-1.91	-14.3	-71.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1.49	-28.5	-0.20	-21.4	0	-21.4
Tiền đầu kỳ	45.7	54.0	172	86.0	65.0	37.6
Lưu chuyển tiền thuần	**8.37**	**118**	**-85.9**	**-21.0**	**-27.4**	**-22.6**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	54.0	172	86.0	65.0	37.6	17.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**522**	**470**	**11.0%**
Tài sản ngắn hạn	300	368	-18.6%
Tiền và tương đương tiền	17.2	86.0	-80.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	226	240	-6.1%
Phải thu ngắn hạn	40.0	37.4	6.8%
Hàng tồn kho	2.17	0.06	3259%
Tài sản ngắn hạn khác	14.8	4.54	226%
Tài sản dài hạn	**222**	**102**	**118%**
Phải thu dài hạn	10.9	10.5	3.9%
Tài sản cố định	66.5	43.9	51.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	33.7	21.1	59.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**20.3**	**26.5**	**-23.5%**
Lợi thế thương mại	91.1	0	
Nợ phải trả	52.5	43.2	21.5%
Nợ ngắn hạn	**45.0**	**36.5**	**23.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	8.72	7.35	18.7%
Nợ dài hạn	7.51	6.72	11.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**470**	**427**	**9.9%**
Vốn chủ sở hữu	**470**	**427**	**9.9%**
Vốn điều lệ	151	151	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)